

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, đăng ký thay các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600669108 thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2020 là: 30.507.810.000 đồng (Ba mươi tỷ năm trăm linh bảy triệu tám trăm mười ngàn đồng), được chia thành 3.050.781 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là ACE.

Trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thế Hiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2021)
Ông Nguyễn Thế Thành	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2021)
Ông Lê Duy Cứu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Gàn Em	Thành viên
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên
Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Duy Cứu	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Gàn Em	Phó Giám đốc

1797
(NH)
ÁN
(NAM)
(NH)
MINH
1-VIE

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc. *Law*



Lê Duy Cửu
Giám đốc

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Số: 108/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang, được lập ngày 10/3/2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số 06/2022/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022*

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1



Công ty tại Quốc lộ 91, xóm An Thới, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		159.110.941.057	177.446.617.258
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.080.905.158	62.552.910.959
1. Tiền	111		29.080.905.158	62.552.910.959
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	127.687.139	127.687.139
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	584.000.000	584.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(456.312.861)	(456.312.861)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.825.572.771	68.058.897.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	74.396.025.949	80.245.894.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.400.787.950	2.686.785.257
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	790.363.567	809.650.430
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(18.761.604.695)	(15.683.432.946)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	64.455.014.291	46.500.421.319
1. Hàng tồn kho	141		64.455.014.291	46.500.421.319
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		621.761.698	206.700.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	-	206.700.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		618.188.289	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	3.573.409	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		22.822.042.309	23.063.657.672
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		16.718.443.516	14.637.659.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	15.663.638.861	13.582.854.651
- Nguyên giá	222		119.825.404.092	112.511.002.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.161.765.231)	(98.928.147.552)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.054.804.655	1.054.804.655
- Nguyên giá	228		2.447.373.655	2.447.373.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.392.569.000)	(1.392.569.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.002.148	449.264.692
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	45.002.148	449.264.692
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.900.000.000	3.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	3.900.000.000	3.900.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.158.596.645	4.076.733.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.158.596.645	2.204.601.438
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	-	1.872.132.236
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		181.932.983.366	200.510.274.930



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		108.963.728.191	128.037.061.234
I- Nợ ngắn hạn	310		108.963.728.191	103.651.005.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	30.328.569.800	19.813.350.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	8.353.854.246	3.153.916.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.106.878.029	10.833.212.594
4. Phải trả người lao động	314		8.150.326.690	12.425.970.284
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		80.961.305	82.622.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	678.263.971	1.078.334.691
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	39.614.106.088	38.696.746.722
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	19.482.604.981	17.288.290.980
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		168.163.081	278.560.581
II- Nợ dài hạn	330		-	24.386.055.745
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	24.386.055.745
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		72.969.255.175	72.473.213.696
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	72.969.255.175	72.473.213.696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.507.810.000	30.507.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.507.810.000	30.507.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.908.000	135.908.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.758.769.220	22.758.769.220
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.566.767.955	19.070.726.476
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		342.211.976	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		19.224.555.979	19.070.726.476
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		181.932.983.366	200.510.274.930

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

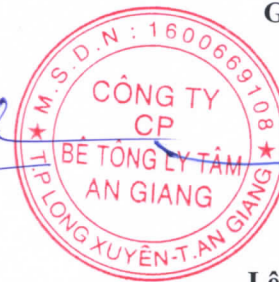
Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	251.196.194.286	294.695.478.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	251.196.194.286	294.695.478.559
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	196.769.987.318	236.838.383.822
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.426.206.968	57.857.094.737
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	519.586.294	281.681.467
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.168.491.806	1.683.321.053
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.031.933.286</i>	<i>1.663.894.388</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.699.921.227	11.658.832.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	19.824.816.758	21.468.198.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		25.252.563.471	23.328.423.546
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.598.304.569	821.818.006
12. Chi phí khác	32	6.7	2.916.973.066	334.132.788
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(1.318.668.497)	487.685.218
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		23.933.894.974	23.816.108.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.837.206.759	6.305.370.564
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.872.132.236	(1.559.988.276)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.224.555.979	19.070.726.476
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.663	4.612

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ



Lê Duy Cửu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021


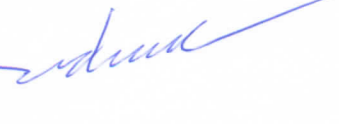
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.933.894.974	23.816.108.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	5.233.617.679	5.280.769.301
- Các khoản dự phòng	03	5.272.485.750	5.242.009.348
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(519.586.294)	(388.667.254)
- Chi phí lãi vay	06	2.031.933.286	1.663.894.388
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	35.952.345.395	35.614.114.547
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(466.608.481)	(5.794.050.537)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.954.592.972)	13.664.792.261
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.748.442.366)	30.118.014.813
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	252.704.897	(197.283.697)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.015.971.981)	(1.646.271.661)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.855.370.564)	(3.980.386.348)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	171.202.500	152.180.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.281.600.000)	(5.250.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.946.333.572)	62.680.729.378
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.314.401.889)	(6.367.368.183)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	181.300.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	519.586.294	207.367.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.794.815.595)	(5.978.700.929)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	159.744.870.318	155.474.176.831
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(158.827.510.952)	(155.106.075.074)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.648.216.000)	(12.201.084.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.730.856.634)	(11.832.982.243)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(33.472.005.801)	44.869.046.206
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.552.910.959	17.683.864.753
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	29.080.905.158	62.552.910.959

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, đăng ký thay các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600669108 thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2020 là: 30.507.810.000 VND (*Ba mươi tỷ năm trăm linh bảy triệu tám trăm mười ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là ACE.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 373 người (tại ngày 31/12/2020 là 354 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 110KV, điện dân dụng và công nghiệp; Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, công cộng, cơ sở hạ tầng, thủy lợi và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép, sản phẩm phi tiêu chuẩn); Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư và thiết bị kỹ thuật; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Tư vấn đầu tư, xây dựng; chuyên giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp. Thiết kế sản phẩm bê tông ly tâm ứng lực trước, sản phẩm cầu kiện bê tông đúc sẵn của công ty; Nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản (tuân thủ các qui định pháp luật về đất đai môi trường, xây dựng và những văn bản khác có liên quan trước khi tiến hành sản xuất, chế biến); Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyên giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn)/.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp, cung cấp sản phẩm bê tông cho các công trình dân dụng và công nghiệp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, đơn đặt hàng, dự án mà công ty thực hiện.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được

018
TY TN
1 TOA
IETN
NHAN
CHI MI
INH-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm sản xuất.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 - 10
Máy móc, thiết bị khác	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Tài sản vô hình là các Quyền sử dụng đất sau:

- Thừa đất số 13 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.
- Thừa đất số 308 tờ bản đồ số 20, đường Trần Quang Khải, Khóm Trung An, phường Mỹ Thới, thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.
- Thừa đất số 45 tờ bản đồ số 25, phường Mỹ Thới, thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.
- Thừa đất số 1 tờ bản đồ số 26, phường Mỹ Thới, thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến tháng 01/2051.
- Thừa đất số 42 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến ngày 30/12/2066.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước 01 lần cho cả thời gian thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

1018
CÔNG TY
TỔNG QUẢN LÝ
VIỆT
: CHI NHÁ
HỒ CHÍ
MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay (tiếp theo)

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: *Dự phòng bảo hành sản phẩm, dự phòng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, dự phòng chi phí tiền lương.*

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán..

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	187.700.846	287.116.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.893.204.312	62.265.794.580
Tổng	29.080.905.158	62.552.910.959

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021 (VND)				01/01/2021			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh		584.000.000	-	(456.312.861)		584.000.000	-	(456.312.861)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện Bạc Liêu	1.000	108.000.000	-	-	1.000	108.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	47.600	476.000.000	-	(456.312.861)	47.600	476.000.000	-	(456.312.861)
Tổng		584.000.000	-	(456.312.861)		584.000.000	-	(456.312.861)

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)				
	Vốn năm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	26%	26%	390.000	3.900.000.000	5.570.463.749	-	390.000	3.900.000.000	4.191.599.122	-
Tổng				3.900.000.000	5.570.463.749	-		3.900.000.000	4.191.599.122	-

(i) Tại ngày lập báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được đánh giá theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trên sàn Upcom trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở giao dịch chứng khoán công bố.

Đối tượng đầu tư

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Số lượng	Giá bình quân	Giá hợp lý (i)	Số lượng	Giá bình	Giá hợp lý (i)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	390.000	14.283	5.570.463.749	390.000	10.748	4.191.599.122
Tổng	390.000	14.283	5.570.463.749	390.000	10.748	4.191.599.122

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Điện Bạc Liêu	11.051.732.595	12.459.351.795
Công ty TNHH Một thành viên Thái Hải	6.089.505.487	9.452.057.076
Công ty TNHH SX - TM và DV Duy Hòa	7.133.880.200	2.264.885.200
Phải thu các đối tượng khác	50.120.907.667	56.069.600.925
Tổng	74.396.025.949	80.245.894.996
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	11.051.732.595	12.459.351.795

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hangzhou Novoland Imp. And Exp. Co., LTD	8.078.058.127	2.214.752.602
Các trả trước cho người bán ngắn hạn khác	322.729.823	472.032.655
Tổng	8.400.787.950	2.686.785.257

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	200.415.291	-	339.056.058	-
Tạm ứng	74.189.570	-	99.826.184	-
Phải thu khác (i)	515.758.706	-	370.768.188	-
Tổng	790.363.567	-	809.650.430	-

(i) Chi tiết Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN CB CNV Công ty	205.296.194	-	176.983.011	-
Cổ tức Công ty CP BTLT Dung Quất	24.000.000	-	24.000.000	-
Phải thu cán bộ nhân viên	286.462.512	-	169.785.177	-
Tổng	515.758.706	-	370.768.188	-

Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần CK XLĐ Bạc Liêu	9.943.608.795	6.115.148.885	4.424.646.325	2.808.843.702
Công ty Cổ phần XL TM Chánh Phúc	4.473.464.600	3.131.425.220	-	-
Công ty TNHH XD & TM 939	4.073.503.500	2.236.073.950	2.283.293.900	1.598.305.730
Cty TNHH XD Phát triển Miền Nam	3.011.791.500	1.505.895.750	3.011.791.500	2.108.254.050
Công ty TNHH XDĐ Minh Sang	1.641.048.953	760.166.886	6.283.846.005	3.179.226.202
Công ty TNHH XDĐ An Thộ	934.921.930	467.460.965	6.882.618.890	3.545.017.632
Các đối tượng còn lại	14.594.635.161	5.695.198.088	8.771.127.840	2.734.244.198
Tổng	38.672.974.439	19.911.369.744	31.657.324.460	15.973.891.514
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		18.761.604.695		15.683.432.946
<i>Trong đó:</i>	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện Bạc Liêu	5.716.722.440	4.226.886.355	-	-
Công ty TNHH SX TM & DV Duy Hòa	2.547.264.500	264.885.200	-	-
Công ty TNHH XD & TM 939	996.611.000	3.076.892.500	-	-
Công ty TNHH XDĐ Minh Sang	181.720.000	975.821.000	483.507.953	-
Cty TNHH XD Phát triển Miền Nam	-	3.011.791.500	-	-
Công ty TNHH MTV XD DV TM Trung Thành	-	426.731.234	-	1.879.286.960
Công ty TNHH XD & TM Nam Nguyên	-	-	1.736.227.900	-
Công ty TNHH XDĐ An Thộ	-	934.921.930	-	-
Các đối tượng còn lại	7.392.696.784	2.934.515.835	185.280.918	1.701.210.430
Tổng	16.835.014.724	15.852.445.554	2.405.016.771	3.580.497.390
Các đối tượng đã xử lý xóa nợ phải thu khó đòi	Số tiền nợ gốc	Số tiền đã thu	Số tiền còn nợ	Số tiền xóa nợ
Công ty TNHH Phước Thạnh	3.295.933.349	264.805.100	3.031.128.249	3.031.128.249
Công ty TNHH XD Công trình Hải	1.697.520.000	1.453.827.600	243.692.400	243.692.400
Công ty Cổ phần DELTA AGF	1.381.380.000	930.506.867	450.873.133	450.873.133
Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử CETECH	1.061.060.000	300.000.000	761.060.000	761.060.000
Công ty TNHH Hưng Minh	954.140.000	386.308.400	567.831.600	567.831.600
Tổng	8.390.033.349	3.335.447.967	5.054.585.382	5.054.585.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.754.027.552	-	22.554.098.966	-
Công cụ, dụng cụ	453.512.509	-	460.311.577	-
Chi phí SX KDDD	-	-	1.693.150.553	-
Thành phẩm	39.246.494.230	-	21.791.880.223	-
Hàng hóa	980.000	-	980.000	-
Tổng	64.455.014.291	-	46.500.421.319	-

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	38.274.844.389	36.448.701.620	20.552.668.386	610.737.340	16.624.050.468	112.511.002.203
Tăng trong năm	1.955.285.174	1.623.009.245	2.536.505.461	-	1.199.602.009	7.314.401.889
Mua, gia công trong năm	-	1.623.009.245	2.536.505.461	-	1.199.602.009	5.359.116.715
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.955.285.174	-	-	-	-	1.955.285.174
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	40.230.129.563	38.071.710.865	23.089.173.847	610.737.340	17.823.652.477	119.825.404.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	34.592.895.954	32.265.000.047	16.228.029.601	479.516.490	15.362.705.460	98.928.147.552
Tăng trong năm	1.547.357.976	1.482.933.260	1.263.841.032	54.750.302	884.735.109	5.233.617.679
Khấu hao trong năm	1.547.357.976	1.482.933.260	1.263.841.032	54.750.302	884.735.109	5.233.617.679
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	36.140.253.930	33.747.933.307	17.491.870.633	534.266.792	16.247.440.569	104.161.765.231
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	3.681.948.435	4.183.701.573	4.324.638.785	131.220.850	1.261.345.008	13.582.854.651
Tại ngày 31/12/2021	4.089.875.633	4.323.777.558	5.597.303.214	76.470.548	1.576.211.908	15.663.638.861

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 6.746.270.211 VND (tại 01/01/2021: 9.880.201.880 VND).

Tại ngày 31/12/2021 tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý là 1.141.400.569 VND (tại ngày 01/01/2021 không có tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá tại 31/12/2021 là 86.817.631.274 VND (tại 01/01/2021 là 84.817.810.271 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.447.373.655	2.447.373.655
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>2.447.373.655</u>	<u>2.447.373.655</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.392.569.000	1.392.569.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>1.392.569.000</u>	<u>1.392.569.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>
Tại ngày 31/12/2021	<u>1.054.804.655</u>	<u>1.054.804.655</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.392.569.000 VND (tại ngày 01/01/2021 là 1.392.569.000 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 1.054.804.655 VND (tại ngày 01/01/2021: 1.054.804.655 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mở rộng xưởng Trung thể	-	449.264.692
Mở rộng Nhà lò hơi	45.002.148	-
Tổng	<u>45.002.148</u>	<u>449.264.692</u>



Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	-	206.700.104
- Bộ gôï kê tháo khuôn xưởng cọc	-	61.858.295
- Cải tạo 1 cái khuôn góc 10m -> 14m	-	47.879.532
- Bộ gôï kê tháo khuôn xưởng trung thế	-	96.962.277
Dài hạn	2.158.596.645	2.204.601.438
- Chi phí thuê đất (i)	1.616.994.900	1.652.861.700
- Chi phí bộ gôï kê tháo khuôn (Bình Hòa)	51.810.283	129.525.691
- Chi phí sửa chữa hàng rào xưởng cọc (GD1)	73.737.877	162.223.333
- Chi phí Bộ gôï kê tháo khuôn (Hạ thế 1)	71.814.519	143.929.035
- Chi phí cải tạo công trục 5T (Cầu kiện)	139.603.571	116.061.679
- Chi phí mở rộng móng công trục 10T (XTT)	204.635.495	-
Tổng	2.158.596.645	2.411.301.542

(i) Chi phí thuê đất là tiền thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời hạn thuê, vị trí tại Phường Bình Đức, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang, diện tích khu đất 1.234 m² với nguyên giá là 1.793.340.000 VND, công ty phân bổ tương ứng với thời gian thuê là 50 năm kể từ thời điểm tháng 2 năm 2017.

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	1.872.132.236
Tổng	-	1.872.132.236

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Vật tư XD Minh Hà	3.071.603.600	3.071.603.600	1.804.868.200	1.804.868.200
Cty TNHH TM Đức Hùng Long Xuyên	4.491.904.355	4.491.904.355	2.857.582.572	2.857.582.572
Công ty TNHH Thép Povina	4.485.882.181	4.485.882.181	-	-
DNTN Đức Hùng Long Xuyên	3.448.841.770	3.448.841.770	1.364.444.400	1.364.444.400
Các đối tượng còn lại	14.830.337.894	14.830.337.894	13.786.455.400	13.786.455.400
Tổng	30.328.569.800	30.328.569.800	19.813.350.572	19.813.350.572

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Long Thái Sơn	1.786.278.000	-
Công ty CP Bê tông Ly tâm Nha Trang	1.321.695.320	-
Các đối tượng khác	5.245.880.926	3.153.916.338
Tổng	8.353.854.246	3.153.916.338

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	10.833.212.594	14.348.349.949	23.078.257.923	2.106.878.029
Thuế GTGT	4.960.199.118	10.340.096.221	15.303.868.748	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.605.370.564	2.837.206.759	6.855.370.564	1.587.206.759
Thuế thu nhập cá nhân	267.518.592	676.903.785	424.903.267	519.519.110
Thuế tài nguyên	124.320	1.196.640	1.168.800	152.160
Tiền thuê đất	-	476.973.352	476.973.352	-
Các loại thuế khác	-	15.973.192	15.973.192	-
Phải thu	-	-	-	3.573.409
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	-	3.573.409

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	503.855.458	984.224.678
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	88.714.500	8.416.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.694.013	85.694.013
Tổng	678.263.971	1.078.334.691

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Công ty tại Quốc lộ 91, xóm An Thới,

phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		Trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	21.815.426.735	21.815.426.735	100.319.280.129	102.854.841.149	24.350.987.755	24.350.987.755
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	17.798.679.353	17.798.679.353	59.425.590.189	55.972.669.803	14.345.758.967	14.345.758.967
Tổng	39.614.106.088	39.614.106.088	159.744.870.318	158.827.510.952	38.696.746.722	38.696.746.722

(i) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang

Số tiền được vay

Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/549076/HĐTD ngày 02/11/2021.

Hạn mức tính dụng

60.000.000.000 VND, bao gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi để đáp ứng nhu cầu vay vốn, mở L/C, bảo lãnh.

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C.

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được xác định trong Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang. Cụ thể: Các quyền sử dụng đất (CD, LNK) và tài sản gắn liền với đất là nhà máy bê tông ly tâm ứng lực của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang.

Số dư tại 31/12/2021

21.815.426.735 VND.

(ii) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang

Số tiền được vay

Theo hợp đồng tín dụng số 100/2021-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 30/09/2021.

Hạn mức tính dụng

35.000.000.000 VND, bao gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi để đáp ứng nhu cầu vay vốn, mở L/C, bảo lãnh..

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C.

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được xác định trong Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm An Giang.

Số dư tại 31/12/2021

17.798.679.353 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	8.881.904.981	8.855.570.980
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.300.700.000	5.432.720.000
Dự phòng chi phí tiền lương	3.300.000.000	3.000.000.000
Tổng	19.482.604.981	17.288.290.980

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	16.493.118.568	69.895.605.788
Tăng trong năm	-	-	-	19.070.726.476	19.070.726.476
Lãi trong năm	-	-	-	19.070.726.476	19.070.726.476
Giảm trong năm	-	-	-	16.493.118.568	16.493.118.568
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.289.994.568	4.289.994.568
Chia cổ tức	-	-	-	12.203.124.000	12.203.124.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.070.726.476	72.473.213.696
Số dư tại ngày 01/01/2021	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.070.726.476	72.473.213.696
Tăng trong năm	-	-	-	19.224.555.979	19.224.555.979
Lãi trong năm	-	-	-	19.224.555.979	19.224.555.979
Giảm trong năm	-	-	-	18.728.514.500	18.728.514.500
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng BĐH (i)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Chia cổ tức (i)	-	-	-	13.728.514.500	13.728.514.500
Số dư tại ngày 31/12/2021	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	19.566.767.955	72.969.255.175

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 11/NQ-ACECO ngày 26/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.800.000.000 VND.

- Trích quỹ thưởng Ban điều hành 1.200.000.000 VND.

- Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 45% trên vốn điều lệ, tương ứng số tiền 13.728.514.500 VND. Trong đó:

+ Đợt 1: tỷ lệ 10%/ cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.000 VND). Tạm ứng cổ tức đợt 1 theo Nghị quyết số 03/NQ-ACECO-HĐQT ngày 04/3/2021. Cổ tức đợt 1 được thanh toán vào ngày 26/5/2021.

+ Đợt 2: tỷ lệ 35%/ cổ phần (1 cổ phần nhận được 3.500 VND). Theo Nghị quyết số 26/NQ-ACECO-HĐQT ngày 19/11/2021. Cổ tức đợt 2 được thanh toán vào ngày 30/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	15.465.330.000	15.465.330.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	15.042.480.000	15.042.480.000
Tổng	30.507.810.000	30.507.810.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	30.507.810.000	30.507.810.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	30.507.810.000	30.507.810.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.728.514.500	16.493.118.568
<i>Chia cổ tức năm 2019</i>	-	12.203.124.000
<i>Trích quỹ KTPL, BĐH năm 2019</i>	-	4.289.994.568
<i>Chia cổ tức năm 2020</i>	13.728.514.500	-
<i>Trích quỹ KTPL, BĐH năm 2020</i>	5.000.000.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.758.769.220	22.758.769.220
Tổng	22.758.769.220	22.758.769.220

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.196.194.286	294.695.478.559
Tổng	251.196.194.286	294.695.478.559

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	196.769.987.318	236.838.383.822
Tổng	196.769.987.318	236.838.383.822

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	51.586.294	12.367.254
Cổ tức, lợi nhuận được chia	468.000.000	195.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	74.314.213
Tổng	519.586.294	281.681.467

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.031.933.286	1.663.894.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá	136.558.520	19.426.665
Tổng	2.168.491.806	1.683.321.053

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.360.023.114	2.868.588.879
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.999.222.207	1.927.807.391
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.286.672	25.794.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.544.579.657	1.897.936.759
Chi phí bằng tiền khác	488.452.976	933.911.315
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(7.328.863.181)	(4.294.953.371)
Chi phí bảo hành	8.616.219.782	8.299.746.982
Tổng	7.699.921.227	11.658.832.706

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.056.914.687	10.093.274.991
Chi phí vật liệu quản lý	112.001.222	77.997.998
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.307.957.376	1.303.684.732
Thuế phí và lệ phí	21.169.832	18.817.672
Chi phí dự phòng	9.391.603.757	6.261.451.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.734.729.600	4.920.686.228
Chi phí bằng tiền khác	3.410.990.352	4.105.710.749
Hoàn nhập dự phòng	(6.210.550.068)	(5.313.424.572)
Tổng	19.824.816.758	21.468.198.899

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	181.300.000
Các khoản khác	1.598.304.569	640.518.006
Tổng	1.598.304.569	821.818.006
Chi phí khác		
Chi phí hỗ trợ người lao động (bị ảnh hưởng của dịch Covid 19)	2.495.754.879	-
Các khoản khác	421.218.187	334.132.788
Tổng	2.916.973.066	334.132.788
Lợi nhuận khác	(1.318.668.497)	487.685.218

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.933.894.974	23.816.108.764
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	15.106.194.565	24.491.858.423
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i>	72.000.000	72.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	8.800.000	33.802.678
<i>Doanh thu chịu thuế tính trước</i>	-	24.386.055.745
<i>Chi phí của doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	15.025.394.565	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	24.854.055.745	16.781.114.365
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	468.000.000	195.000.000
<i>Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	24.386.055.745	1.560.719.800
<i>Chi phí của doanh thu chịu thuế tính trước</i>	-	15.025.394.565
1.2 Thu nhập chịu thuế	14.186.033.794	31.526.852.822
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.837.206.759	6.305.370.564
<i>Điều chỉnh thuế TNDN năm trước</i>	-	-
Thuế TNDN hiện hành	2.837.206.759	6.305.370.564

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.224.555.979	19.070.726.476
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	(4.998.384.555)	(5.000.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.226.171.424	14.070.726.476
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.663	4.612

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2021 của Công ty. Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc năm 2020 với số tiền 5.000.000.000 VND tương ứng với tỷ lệ khoản 26% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020. Theo đó, Công ty ước tính giá trị sẽ được giảm trừ vào Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 là 4.998.384.555 VND (19.224.555.979 VND lợi nhuận sau thuế TNDN x 26%).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:**

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 đã làm cho Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng từ 4.501 VND lên 4.612 VND. Theo đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.070.726.476	19.070.726.476	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho NLĐ, quỹ khen thưởng Ban điều hành	(5.339.803.413)	(5.000.000.000)	339.803.413
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.730.923.063	14.070.726.476	339.803.413
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	4.501	4.612	111

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.497.832.400	151.729.213.221
Chi phí nhân công	45.330.139.193	51.120.755.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.233.617.679	5.280.769.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.540.872.432	29.515.614.685
Chi phí khác bằng tiền	18.479.701.416	33.824.248.293
Tổng	239.082.163.120	271.470.600.566

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Stt Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ
2 Công ty CP Cơ Khí Xây Lắp Điện Bạc Liêu	Đầu tư chứng khoán
3 Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Công ty liên kết

Stt Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Chức vụ
1 Ông Hoàng Thế Hiến	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Nguyễn Thế Thành	Nguyên Chủ tịch HĐQT
3 Ông Lê Duy Cừ	Thành viên HĐQT
4 Ông Nguyễn Thanh Gằn Em	Thành viên HĐQT
5 Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT
6 Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên HĐQT
7 Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS
8 Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS
9 Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên BKS
10 Ông Lê Duy Cừ	Giám đốc
11 Ông Nguyễn Thanh Gằn Em	Phó Giám đốc

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Hoàng Thế Hiến	Chủ tịch HĐQT	49.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Thành	Nguyên Chủ tịch HĐQT	194.429.000	179.143.000
Ông Lê Duy Cừ	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Gằn Em	Thành viên HĐQT	162.286.000	119.429.000
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT	162.286.000	119.429.000
Ông Trịnh Tấn Đệ	Thành viên HĐQT	162.286.000	119.429.000
Tổng		778.287.000	585.430.000

Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS	162.286.000	107.524.000
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS	81.143.000	47.810.000
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên BKS	81.143.000	59.713.000
Tổng		324.572.000	215.047.000

Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lê Duy Cừ	Giám đốc	1.115.272.651	890.529.621
Nguyễn Thanh Gằn Em	Phó Giám đốc	474.968.000	454.936.000
Tổng		1.590.240.651	1.345.465.621

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch mua			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Mua thiết bị	351.000.000	-
Cộng		351.000.000	-
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch bán			
Công ty CP Cơ Khí Xây Lắp Điện Bạc Liêu	Bán sản phẩm	5.689.728.000	9.976.325.100
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Bán sản phẩm	387.058.000	824.479.960
Tổng		6.076.786.000	10.800.805.060

d. Số dư phải thu các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Cơ Khí Xây Lắp Điện Bạc Liêu	Bán sản phẩm	11.051.732.595	12.459.351.795
Công ty CP Cơ Khí Xây Lắp Điện Bạc Liêu	Đầu tư khác	108.000.000	108.000.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Đầu tư dài hạn	3.900.000.000	3.900.000.000
Tổng		15.059.732.595	16.467.351.795

e. Số dư phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cổ tức được chia	-	6.959.398.500
Công ty CP Cơ Khí Xây Lắp Điện Bạc Liêu	Cổ tức được chia	-	85.603.500
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Mua thiết bị	386.100.000	-
Tổng		386.100.000	7.045.002.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM
AN GIANG**

Mẫu số B 09 - DN

Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu

03 ★ ML